**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 08***( Từ 24.10.2022 – 28-10.2022 )*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** **Ngày** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn học** | **Tên bài dạy** |
| **Hai** *24/10/2022* | **Sáng** | 1 | Chào cờ | Chào cờ đầu tuần |
| 2 | Tập đọc | Kì diệu rừng xanh |
| 3 | Toán | Số thập phân gằng nhau |
| 4 | Chính tả | Kì diệu rừng xanh |
| **Chiều** | 1 | Lịch sử | Xô -Viết Nghệ Tĩnh |
| 2 | Đạo đức | Kính già yêu trẻ |
| 3 | Kể chuyện | Kể chuyện đẫ nghe đã đọc |
| 4 |  |  |
| **Ba** *25/10/2022* | **Sáng** | 1 | Toán | So sánh hai số thập phân |
| 2 | LTVC | MRVT ; Thiên nhiên |
| 3 | HĐTT | Chăm sóc mắt . Đôi mắt và cách chăm sóc |
| 4 | Khoa học | Phòng tránh HIV và AI DS |
| **Chiều** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| **Tư** *26/10/2022* | **Sáng** | 1 | Tập đọc | TRước cổng trời |
| 2 | Toán | Luyện tập |
| 3 | TLV | Luyện tập tả cảnh |
| 4 | Địa | Dâm số nước ta |
| **Năm** *27/10/2022* | **Sáng** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| **Chiều** | 1 | Toán | Luyện tập chung |
| 2 | LTVC | Luyện tập về từ nhiều nghĩa |
| 3 | Kĩ thuật | Nấu cơm ( Tiết 2) |
| 4 |  |  |
| **Sáu** *28/10/2022* | **Sáng** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 | HĐTT | Đọc sách |
| 4 | Toán | Viết các số đo dưới dạng số thập phân |
| **Chiều** | 1 | Khoa học | Thái độ đối với người nhiễm HIV /AIDS |
| 2 |  |  |
| 3 | TLV | LT tả cánh( dựng đoạn mở bài kết bài) |
| 4 |  |  |

***Thứ 2 ngày 24/10/2022***

**TUẦN 8**

**Tập đọc : Tiết 15 *KÌ DIỆU RỪNG XANH***

***Theo Nguyễn Phan Hách***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Hiểu ý nghĩa của bài: ***Vẻ đẹp kì thú của rừng; tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ của tác giả đối với vẻ đẹp của rừng.***

- Trả lời được các câu hỏi 1,2,4 . HS năng khiếu trả lời câu hỏi 3.

***-*** Đọc diễn cảm bài văn với cảm xúc ngưỡng mộ trước vẻ đẹp của rừng .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Biết yêu vẻ đẹp của thiên nhiên,thêm yêu quý và có ý thức BVMT

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.( HĐ1 )

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ ( HĐ2, HĐ3, HĐ4 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Tranh minh hoạ bài đọc.

Truyện, tranh, ảnh về vẻ đẹp của rừng, ảnh nấm, con vật (nếu có).

- HS: Đọc tr­ước bài, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động giáo viên | Hoạt động học sinh |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS chơi trò chơi"Truyền điện", mỗi em đọc nối tiếp 1 câu thơ trong bài “Tiếng đàn Ba-la-lai-ca trên sông Đà”, bạn nào đọc sai thì thua cuộc.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: (28 phút)**  **Hoạt động 1: Đọc văn bản ( 14 ph )**  - GV chia đoạn: 3 đoạn.  - HD giải nghĩa từ  - GV đọc diễn cảm toàn bài.  **H/ động 2: Trả lời câu hỏi ( 14 ph)**  Câu 1:Những cây nấm rừng đã khiến tác giả có những liên tưởng thú vị gì ?  - Nhờ những những liên tưởng ấy mà cảnh vật đẹp thêm như thế nào ?  Câu 2: Những muông thú trong rừng được miêu tả như thế nào ?  - Sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho cảnh rừng ?  Câu 3: Vì sao rừng khộp được gọi là giang sơn vàng rợi ? ( **HS** năng khiếu)  Câu 4: Hãy nói cảm nghĩ của em khi đọc bài văn trên .  **3. Luyện tập: ( 5 phút )**  **Hoạt động 3: LĐ diễn cảm**  - GV HS luyện đọc diễn cảm đoạn 3 .    **\* Củng cố, dặn dò ( 2 phút )**  - Rừng xanh mang lại lợi ích gì cho con người ?Chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ rừng ?  - GV nhận xét tiết học. | -HS chơi trò chơi  - HS đọc tiếp nối đoạn 3 đoạn  - Luyện đọc các từ ngữ: *loanh quanh, lúp xúp, sặc sỡ, mải miết, rừng rào rào chuyển động,…*  - Giải nghĩa từ: lúp xúp, ấm tích, tân kì, vượn bạc má, khộp, con mang, vàng rợi .  - Liên tưởng thú vị: Tác giả thấy vạt nấm rừng như 1 th/ phố nấm; mỗi chiếc nấm … dưới chân .  - Cảnh vật trong rừng trở nên lãng mạn , thần bí như trong truyện cổ tích .  - Những con vượn bạc má … nhìn theo, mấy con mang … trên lưng nó .  - Sự xuất hiện thoắt ẩn , thoắt hiện của muông thú làm cho cảnh rừng trở nên sống động, đầy những điều bất ngờ và lí thú .  - Vì có sự phối hợp với nhiều sắc vàng trong một không gian rộng lớn .  + Rừng xanh thật là kì diệu khiến em háo hức muốn được đến xem.  + Cảnh thiên nhiên thật là đẹp đẽ .  + Yêu mến rừng .  - HS luyện đọc diễn cảm .  - HS thi đọc diễn cảm .  - Rừng xanh đem lại nhiều lợi ích cho con người : điều hòa khí hậu, ngăn lũ lụt, cung cấp nhiều loại lâm sản quý... Cần bảo vệ, chăm sóc và trồng cây gây rừng. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Toán (tiết 36):

**SỐ THẬP PHÂN BẰNG NHAU ( trang 40 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**:

**1/ Kiến thức, kĩ năng:** Biết :

- Viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân hoặc bỏ chữ số 0 ở tận cùng bên phải của số thập phân thì giá trị của số thập phân không thay đổi.

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2.* *HS năng khiếu làm BT3/40*

- Rèn kĩ năng nhận biết về số thập phân bằng nhau.

**2/ Phẩm chất, năng lực:**

- Cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Yêu thích môn học.

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.( Bài 1,2 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Giáo viên: Bảng phụ, SGK.

- Học sinh: Vở, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy của GV** | **Hoạt động học của HS** |
| **1.Khởi động:(5 phút)\***  - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Ai nhanh, ai đúng" với nội dung: chuyển các STP sau thành hỗn số:  *3,12 ; 4,3 ; 54,07 ; 17,544 1,2.*  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Khám phá: ( 15 ph )**  **\*HĐ1 : *Phát hiện đặc điểm của số thập phân khi viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân hoặc bỏ chữ số 0 (nếu có) ở tận cùng bên phải của số thập phân đó.***  a/ VD: Hãy điền số thích hợp vào chỗ chấm  9 dm = …cm  9 dm = …m 90 cm = …m  + Em hãy so sánh 0,9m và 0,90 m  - Gv nhận xét :  Ta có 9 dm = 90 cm  Mà 9dm=0,9m và 90cm=0,90m  Nên 0,9m = 0,90m  - Gv nêu 0,9m =0,90m, em hãy so sánh 0,9 và 0,90  b/ Nhận xét:  - Dựa vào nhận xét 1 hãy tìm các số thập phân bằng với 0,9 ; 8,75 ; 12  - Dựa vào nhận xét 2 hãy tìm các số thập phân bằng với 0,9000 ; 8,75000 ; 12,000  - *Gv lưu ý HS:* Số tự nhiên ( chẳng hạn số 12 ) được coi là số thập phân đặc biệt.  **3. *Luyện tập* thực hành: ( 15ph )**  *Bài 1:( 7 ph )*  - Cho hs tự làm cá nhân  *Bài 2( 8 ph )*  - Cho hs tự làm cá nhân  *Bài 3:* ***Dành cho HSNK.***  ***4. Vận dụng: ( 5ph )***  - Cho HS vận dụng kiến thức làm bài: Viết thành số có 3 chữ số ở phần thập phân:  7,5 = … 2,1 = …  4,36 = … 60,3 = …  1,04 = … 72 = …  - GV nhận xét tiết học – Dặn dò. | - HS chia thành 2 đội chơi, mỗi đội 5 bạn thi nối tiếp nhau, đội nào đúng và nhanh hơn thì giành chiến thắng  - HS nghe  - HS ghi vở  - Hs điền và nêu kết quả  9 dm = 90 cm  9dm = 0,9 m 90cm = 0,90 m  - Hs thảo luận cặp và trình bày  - Hs 0,9 = 0,90  - Hs nêu nhận xét SGK  - Hs nêu 0,9 = 0,90 =0,900 =0,9000  8,75 = 8,750 =8,7500 = 8,75000  12 = 12,0 =12,00 =12,000  - Hs nêu: 0,9000 =0,900 =0,90 =0,9  8,75000 = 8,7500 =8,750 = 8,75  .......  **\* ( Cá nhân )**  - Hs làm bài ở bảng,vở  *a, 7,8000=7,80=7,8;* …  **\* ( Cá nhân )**  - Hs làm bài ở bảng,vở  *a, 5,612 ; 17,200 ; 480,590; …*  - HS nghe và thực hiện  - HS lắng nghe. |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 8**

**Chính tả (Nghe- viết): Tiết 8 *KÌ DIỆU RỪNG XANH***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi .

***-*** Tìm được các tiếng chứa yê/ ya trong đoạn văn (BT2); tìm được tiếng có vần uyên thích hợp để điền vào ô trống .(BT3) . HS năng khiếu làm BT4 .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. ( HĐ1, HĐ3, BT2, BT3, BT4 )

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.( HĐ 2, BT2, BT4 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Viết sẵn bài tập 2 trên bảng (2 bản). Phấn mầu.

- HS: vở viết, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động giáo viên** | **Hoạt động học sinh** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Khởi động hát bài "Nhạc rừng"  - Viết những tiếng chứa ***ia/ iê*** trong các thành ngữ tục ngữ dưới đây và nêu quy tắc đánh dấu thanh trong những tiếng ấy:  *- Sớm thăm tối viếng.*  *- Trọng nghĩa khinh tài.*  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: ( 25 phút )**  **Hoạt động 1:** HD viết chính tả:  - GV đọc bài chính tả .  - GV cho HS nêu nội dung đoạn viết .  - HDHS luyện viết những từ ngữ dễ viết sai  - GV hướng dẫn cách trình bày bài  **Hoạt động 2:** HS viết chính tả  - GV đọc mẫu lần 1.  - GV đọc lần 2 (đọc chậm)  - GV đọc lần 3.  **Hoạt động 3:** **Chấm bài, nhận xét**  - GV chấm 7-10 bài.  - Nhận xét bài viết của HS.  **3. Luyện tập, thực hành (8 ph)**  Bài 2: ( HĐ nhóm 2 )  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài .  Bài 3: ( HĐ cá nhân)  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài .  Bài 4: HS năng khiếulàm  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Nêu quy tắc ghi dấu thanh cho các tiếng chứa ***yê***.  **-** Nhắc nhở học sinh mắc lỗi chính tả về nhà viết lại các từ đã viết sai  - Nhận xét tiết học | - Cả lớp hát  - 2 HS lên bảng làm bài, cả lớp viết bảng con .  - Vẻ đẹp kì diệu và sinh động của khu rừng .  - HS viết bảng con : *ẩm lạnh*, *rào rào, gọn ghẽ, len lách, mải miết* .  - HS lắng nghe  - HS theo dõi.  - HS viết theo lời đọc của GV.  - HS soát lỗi chính tả.  - HS nộp vở  - HS nghe  - Tìm trong đoạn tả cảnh rừng khuya dưới đây những tiếng có chứa yê hoặc ya  - HS làm bài:  + Những tiếng chứa yê: truyền thuyết, xuyên, yên .  + Những tiếng chứa ya: khuya  - Tìm tiếng có vần uyên thích hợp với mỗi ô trống  - HS quan sát tranh minh họa làm bài.  a) thuyền ; b) khuyên  *\** HS năng khiếulàm  - Tranh 1: yểng  - Tranh 2: hải yến  - Tranh 3: đỗ quyên  - HS nêu  - HS nghe và thực hiện |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Lịch sử:**

**XÔ VIẾT NGHỆ – TĨNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết một số biểu hiện về xây dựng cuộc sống mới ở thôn xã.

***-*** Kể lại được cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 tại Nghệ An.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Khâm phục, biết ơn những người đã dũng cảm đấu tranh phá bỏ áp bức bóc lột.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử ( HĐ 1,2,3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV:Bản đồ hành chính Việt Nam

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS hát bài"Em là mầm non của Đảng", trả lời câu hỏi:  + Hãy nêu những nét chính về hội nghị thành lập ĐCSVN?  + Nêu ý nghĩa của việc ĐCSVN ra đời.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - 2 HS trả lời.  - Lớp theo dõi, nhận xét.  - HS nghe |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| ***\* Hoạt động 1:*** *Cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 và tinh thần cách mạng của nhân dân Nghệ - Tĩnh trong những năm 1930 - 1931*  - Giáo viên treo bản đồ hành chính Việt Nam, yêu cầu học sinh tìm và chỉ vị trí hai tỉnh Nghệ An - Hà Tĩnh.  - Nghệ - Tĩnh là hai tên gọi tắt của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Tại đây, ngày 12-9-1930 đã diễn ra cuộc biểu tình lớn, đi đầu cho phong trào đấu tranh của nhân dân ta.  - Yêu cầu: Dựa vào tranh và nội dung SGK hãy thuật lại cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 ở Nghệ An?  - Cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 đã cho thấy tinh thần đấu tranh của nhân dân Nghệ An - Hà Tĩnh như thế nào?  - GV kết luận.  ***\* Hoạt động 2:*** *Những chuyển biến đổi mới ở những nơi nhân dân Nghệ Tĩnh giành được chính quyền cách mạng*  - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận và trả lời câu hỏi và yêu cầu sau:  + Khi sống dưới ách đô hộ của thực dân Pháp người nông dân có ruộng cày đất không? Họ phải cày ruộng cho ai?  + Hãy đọc SGK và ghi lại những điểm mới ở những nơi nhân dân Nghệ Tĩnh giành được chính quyền cách mạng những năm 1930 -1931.  + Khi được sống dưới chính quyền Xô Viết, người dân có cảm nghĩ gì?  - GV nhận xét, kết luận.  ***\* Hoạt động 3:*** *Ý nghĩa của phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh*  - Phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh nói lên điều gì về tinh thần chiến đấu và khả năng làm cách mạng của nhân dân ta?  - Phong trào có tác động gì đối với phong trào của cả nước?  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Nhắc lại nội dung cần nắm của bài.  - Nhận xét tiết học. | - 1 em lên bảng chỉ.  - Học sinh lắng nghe.  - HS thuật lại trong nhóm, 1 em trình bày trước lớp.  - Quyết tâm đánh đuổi thực dân Pháp và bè lũ tay sai.  - HS thảo luận, thực hiện theo yêu cầu.  + Không có ruộng, họ phải cày thuê, cuốc mướn.  + Không xảy ra trộm cắp.  + Các thủ tục lạc hậu bị đả phá, thuế vô lý bị xóa bỏ ...  + Phấn khởi.  - HS thảo luận, trình bày  - Cho thấy tinh thần dũng cảm của nhân dân ta. Sự thành công bước đầu cho thấy nhân dân ta hoàn toàn có thể làm cách mạng thành công.  - Phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh đã khích lệ, cộ vũ động viên tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  - HS nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Đạo đức:**

**KÍNH GIÀ, YÊU TRẺ (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- HS biết vì sao cần phải kính trọng, lễ phép với người già, yêu thương, nhường nhịn em nhỏ.

- Nêu được những hành vi, việc làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện sự kính trọng người già, yêu thương em nhỏ.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Có thái độ và hành vi thể hiện sự kính trọng, lễ phép với người già, nhường nhịn em nhỏ.

- Biết nhắc nhở bạn bè thực hiện kính trọng người già, yêu thương, nhường nhịn em nhỏ.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác (HĐ 1,2,3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK

- HS: VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động : (5 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Vì sao chúng ta cần phải biết kính trọng và giúp đỡ người già?  - GV nhận xét.  - Giới thiệu bài- Ghi bảng | - HS hát  - HS nêu  - HS nghe  - HS ghi bảng |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành : (30 phút)** | |
| ***\* Hoạt động 1****: Đóng vai (BT2, SGK)*  - GV chia nhóm và phân công đóng vai xử lí các tình huống trong bài tập 2.  ***-*** GV kết luận:  + Tình huống a: Em dừng lại, dỗ em bé và hỏi tên, địa chỉ. Sau đó em có thể dẫn em bé đến đồn công an gần nhất để nhờ tìm gia đình của em. Nếu nhà em ở gần, em có thể dẫn em bé về nhà, nhờ bố mẹ giúp đỡ.  + Tình huống b: Hướng dẫn các em chơi chung hoặc lần lượt thay phiên nhau chơi.  + Tình huống c: Nếu biết đường, em hướng dẫn đường đi cho cụ già. Nếu không biết em trả lời cụ một cách lễ phép.  ***\* Hoạt động 2****: Làm BT3- 4, SGK*  - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm làm bài tập 3- 4.  -GV kết luận:  - Ngày dành cho người cao tuổi là ngày 1 tháng 10 hằng năm.  - Ngày dành cho trẻ em là ngày Quốc tế Thiếu nhi 1 tháng 6.  - Tổ chức dành cho người cao tuổi là Hội Người cao tuổi.  - Các tổ chức dành cho trẻ em là: Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng.  ***\* Hoạt động 3****: Tìm hiểu truyền thống "Kính già, yêu trẻ" của địa phương, của dân tộc ta.*  - GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm HS: Tìm các phong tục, tập quán tốt đẹp thể hiện tình cảm kính già, yêu trẻ của dân tộc Việt Nam.  - GV kết luận:  + Người già luôn được chào hỏi, được mời ngồi ở chỗ trang trọng.  + Các cháu luôn quan tâm, chăm sóc, tặng quà cho cho ông bà, cha mẹ.  + Tổ chức lễ mừng thọ cho ông bà, cha mẹ.  + Trẻ em được mừng tuổi, tặng quà vào những  dịp lễ tết.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Nêu những việc làm thể hiện tình cảm kính  già, yêu trẻ.  - Nhận xét tiết học. | - Các nhóm thảo luận tìm cách giải quyết tình huống và chuẩn bị đóng vai các tình huống.  - Hai nhóm đại diện lên thể hiện.  - Các nhóm khác thảo luận, nhận xét.  - HS làm việc theo nhóm.  - Đại diện các nhóm lên trình bày.  - Từng nhóm thảo luận.  - Đại diện các nhóm lên trình bày.  - Các nhóm khác bổ sung ý kiến.  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 8**

**Kể chuyện**: **Tiết 8 *KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về quan hệ giữa con người với thiên nhiên.

- Biết trao đổi về trách nhiệm của con người đối với thiên nhiên ; biết nghe và nhận xét lời kể của bạn .

- HS năng khiếu kể được câu chuyện ngoài SGK; nêu được trách nhiệm giữ gìn thiên nhiên tươi đẹp

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Biết nghe và nhận xét lời kể của bạn.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Một số truyện nói về quan hệ giữa con người với thiên nhiên

- HS: Câu chuyện nói về quan hệ giữa con người với thiên nhiên

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động giáo viên** | **Hoạt động học sinh** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS chơi trò chơi " Truyền điện”, kể tên một số loài cây dùng để chữa bệnh.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: ( 10 phút )**  **Hoạt động 1: HD tìm hiểu đề bài và các gợi ý**  - GV ghi đề bài lên bảng .  - Cho HS đọc phần gợi ý.  + Nêu những chuyện cổ tích giải thích nguồn gốc các hiện tượng thiên nhiên .  + Nêu những truyện kể về tình cảm thắm thiết gắn bó giữa con người với thiên nhiên .  **Hoạt động 2:**  **HDHS giới thiệu câu chuyện .**  - Cho HS nói tên câu chuyện của mình.  **3. Thực hành: HS kể chuyện và trao đổi ý nghĩa câu chuyện (22 ph)**  - Cho HS kể chuyện trong nhóm.  - Cho HS thi kể.  - GV nhận xét, khen những HS kể chuyện hay.  + Con người cần làm gì để thiên nhiên luôn tươi đẹp?  **\* Củng cố, dặn dò ( 2 phút )**  - Chúng ta cầ phải làm gì để góp phần bảo vệ thiên nhiên ?  - GV nhận xét tiết học. | - HS chơi trò chơi  - 1 HS đọc : Kể một câu chuyện em đã nghe hay đã đọc nói về quan hệ giữa con người với thiên nhiên.  - 1 HS đọc gợi ý 1,2,3 .  + Cóc kiện trời ; Sự tích chú cuội cung trăng.  + Tìm ngọc; Con chó nhà hàng xóm; Ông mạnh thắng thần gió .  - Một số HS trình bày trước lớp tên câu chuyện.  VD: Tôi muốn kể câu chuyện về một chú chó tài giỏi , rất yêu quý chủ, đã nhiều lần cứu chủ thoát chết .  - Các thành viên trong nhóm kể chuyện và trao đổi về nội dung câu chuyện.  - Thi kể chuyện trước lớp.  + Trồng cây, trồng rừng, giữ vệ sinh .  + Không phá rừng, không khai thác tài nguyên thiên nhiên bừa bãi, bảo vệ động vật, ….  - HS nêu |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Ngày dạy : 25 / 10 / 2022 ( Thứ ba )***

**Toán** (tiết 37):

**SO SÁNH HAI SỐ THẬP PHÂN ( trang 41 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1/ Kiến thức, kĩ năng**: Biết: So sánh hai số thập phân .

- Biết sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại.

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2.* *HS năng khiếu làm BT3/ 42*

-Rèn kĩ năng so sánh hai số thập phân .

**2/ Phẩm chất, năng lực*:***

- Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán.( Bài 1,2)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Giáo viên: Bảng phụ, SGK

- Học sinh: Vở, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(3 phút)**  - Cho HS chơi trò chơi:"Truyền điện". Một bạn đọc một số TP bất kì sau đó truyền cho bạn bên cạnh, bạn đó phải đọc ngay một số TP bằng với số thập phân vừa rồi, cứ tiếp tục như vậy từ bạn này đến bạn khác, bạn nào không nêu được thì thua cuộc.  - GV nhận xét, tuyên dương HS  - Giới thiệu bài - ghi bảng  **2. Khám phá : ( 15 ph )**  **HĐ1*: So sánh hai số thập phân có phần nguyên khác nhau: ( 5 ph )***  - Gv hướng dẫn hs cách so sánh 8,1m và 7,9m như SGK  Ta có thể viết : 8,1m =81dm  7,9m =79dm  81dm>7dm nên 8,1m>7,9m  - Hỏi 8,1m>7,9m,em hãy so sánh 8,1và 7,9?  +Hãy so sánh phần nguyên của 8,1 và 7,9  - Gv nhận xét, kết luận  **HĐ2:** ***So sánh hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau: ( 10 ph )***  - So sánh 35,7m và 35,698m  - Gv gọi hs trình bày và nêu cách làm của mình  - Gv nhận xét, giới thiệu cách so sánh như SGK  - Ta thấy 35,7m và 35,698m có phần nguyên bằng nhau(35m) ta so sánh phần thập phân  7/10m=7dm=700mm  698/1000m=698mm  Mà 700mm>698mm  nên 7/10m>698/1000m  Do đó 35,7m>35,698m  - Vậy, em hãy so sánh 35,7 và 35,698.  +Hãy so sánh hàng phần mười của sô 35,7 và 35,698  GV yêu cầu HS nêu nhận xét.  ? Muốn so sánh hai số thập phân ta làm thế nào?  **3. *Luyện tập thực hành: ( 15ph )***  *Bài 1:( 7 ph )*  **-** Cho HS tự làm bài rồi chữa bài . Khi chữa bài nên cho HS giải thích kết quả làm bài.GV theo dõi và nhận xét chung.  *Bài 2:( 8 ph )*  **-** Cho HS thảo luận làm bài và chữa bài.  *Bài 3:* ***Dành cho HS năng khiếu***  **4. Vận dụng: ( 5 ph )**  - GV cho HS vận dụng kiến thức làm bài: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm  69,99 … 70,01 0,4 … 0,36  95,7 … 95,68 81,01 … 81,010  + Muốn so sánh hai số thập phân ta làm thế nào?  - Nhận xét – Dặn dò. | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở  - Hs theo dõi gv hướng dẫn  Hs nêu 8,1>7,9  - Hs: phần nguyên 8>7  - Hs nêu kết luận  - Hs đọc bài toán  - Hs trao đổi và nêu ý kiến  - Hs theo dõi gv hướng dẫn cách so sánh  - Hs nêu: 35,7>35,698  - Hs nêu hàng phần mười 7>6  - HS nêu như SGK.  - 2 em nêu.  **\* ( Cá nhân )**  - Làm bài trên bảng, vào vở.  a) 48,97 < 51,02 (vì 48 < 51)  b) 96,4 > 96,38 ( vì 4 > 3 )  c)0,7 > 0,65  **\* ( Nhóm 2 )**  - Xếp là :6,375 ; 6,735 ; 7,19 ; 8,72 ; 9,01.  - HS nghe và thực hiện  - HS trả lời.  - HS lắng nghe. |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 8**

**Luyện từ và câu**: **Tiết 15**  ***MỞ RỘNG VỐN TỪ: THIÊN NHIÊN***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

­- Hiểu nghĩa từ thiên nhiên ( BT1) ; nắm được một số từ ngữ chỉ sự vật, hiện tượng thiên nhiên trong một số thành ngữ , tục ngữ ( BT2) .

- Tìm được từ ngữ tả không gian , tả sông nước và đặt câu với 1 từ ngữ tìm được ở mỗi ý a,b,c của BT3, BT4 .

- HS năng khiếu hiểu ý nghĩa của các th/ngữ , tục ngữ BT2; BT3( ý d)

**2. Phẩm chất, năng lực**:

- Bồi dưỡng tình cảm yêu quý, gắn bó với môi trường sống

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.( BT1, BT2, BT3, BT4)

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.( BT3, BT4)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: + Bảng phụ ghi sẵn BT 2.

+ Một số tờ giấy khổ to để HS làm BT 3,4 .

- HS : SGK, vở viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động giáo viên** | **Hoạt động học sinh** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS thi đặt câu để phân biệt các nghĩa của từ : **đi ; đứng .**  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành ( 32 phút )**  Bài 1: ( HĐ nhóm đôi)  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài.  Bài 2: ( HĐ nhóm đôi)  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài:  -GV giải nghĩa các thành ngữ, tục ngữ  Bài 3: ( HĐ cá nhân)  - Nêu yêu cầu đề .  - GV cho HS làm bài (câu a; b; c)  Bài 3d: HS năng khiếu làm  Bài 4: ( HĐ cá nhân)  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút )**  - Tìm các từ chỉ tiếng nước chảy ?  - Nhận xét tiết học . | - HS thi đặt câu  - Dòng nào giải thích đúng nghĩa của từ thiên nhiên .  - HS nêu ý b: Tất cả những gì không do con người tạo ra .  - Tìm trong các thành ngữ, tục ngữ những từ chỉ các sự vật , hiện tượng trong thiên nhiên .  - HS làm bài: *thác- ghềnh ; gió- bão ; nước- đá ; khoai đất- mạ đất .*  - Tìm những từ ngữ miêu tả không gian. Đặt câu với 1 trong các từ ngữ vừa tìm được .  - HS làm bài  + Tả chiều rộng: bao la, mênh mông, bát ngát, ...  \* Biển rộng mênh mông .  + Tả chiều dài(xa): tít tắp, ngút ngát, thăm thẳm,.. ..  \* Thảm cỏ dài tít tắp .  + Tả chiều cao: chót vót, chất ngất, vời vợi, ...  \* Bầu trời cao vời vợi .  - Tả chiều sâu: hun hút, hoăm hoắm, thăm thẳm, ...  \* Cái hang này sâu hun hút .  - Tìm những từ ngữ miêu tả sóng nước. Đặt câu với 1 trong các từ ngữ vừa tìm được .  - HS làm bài  + Tả tiếng sóng: ầm ầm, rì rào, ào ào, ..   * Tiếng sóng vỗ vào bờ ầm ầm .   + Tả làn sóng nhẹ: dập dềnh, lững lờ, lăn tăn, ...   * Những gợn sóng lăn tăn trên mặt nước .   + Tả đợt sóng mạnh: cuồn cuộn, ào ạt, điên cuồng,...   * Biển nổi sóng cuồn cuộn xô vào bờ.   - HS nêu |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học:**

**PHÒNG TRÁNH HIV / AIDS**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết nguyên nhân và cách phòng tránh HIV/ AIDS .

***-*** Tìm kiếm, xử lí thông tin về bệnh HIV/AIDS và cách phòng chống bệnh HIV/AIDS, hợp tác giữa các thành viên trong nhóm để tổ chức, hoàn thành công việc liên quan đến triển lãm.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Luôn có ý thức tuyên truyền vận động mọi người cùng phòng tránh nhiễm HIV

\* GD BVMT: Con người cần đến không khí, nước uống, thức ăn từ môi trường nên cần phải bảo vệ môi trường.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người (HĐ 1,2,3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Hình vẽ trong SGK phóng to.

- HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với các câu hỏi:  + Bệnh viêm gan A lây qua đường nào?  + Chúng ta làm thế nào để phòng bệnh viêm gan A?  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - Do vi-rút viêm gan A, bệnh lây qua đường tiêu hóa. Một số dấu hiệu của bệnh viêm gan A: sốt nhẹ, đau ở vùng bụng bên phải, chán ăn.  - Cần “ăn chín, uống sôi”, rửa sạch tay trước khi ăn và sau khi đi đại tiện.  - HS ghe  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| ***\*******Hoạt động 1*:** *Chia sẻ kiến thức*  - Kiểm tra sự sưu tầm tranh ảnh, tài liệu.  - Các em biết gì về bệnh nguy hiểm này?  - GV nhận xét, bổ sung  ***\* Hoạt động 2:*** *HIV/ AIDS là gì? Các con đường lây truyền HIV / AIDS*  - Tổ chức chơi "Ai nhanh, ai đúng"  - Chia nhóm, mỗi nhóm 4 em  - Tổ chức cho HS thực hành hỏi đáp.  - HIV/AIDS là gì?  - Vì sao người ta thường gọi HIV/AIDS là căn bệnh thế kỷ?  - Những ai có thể bị lây nhiễm HIV/AIDS?  - HIV lây truyền qua những con đường nào?  - Hãy lấy ví dụ minh hoạ?  - Làm thế nào để phát hiện người bị HIV?  - Muỗi đốt có lây nhiễm HIV không?  - Có thể làm gì để phòng tránh HIV?  - Dùng chung bàn chải đánh răng có bị lây nhiễm HIV không?  - Ở lứa tuổi mình phải làm gì để bảo vệ mình?  ***\* Hoạt động 3:*** *Cách phòng tránh HIV/AIDS*  ***-*** Yêu cầu HS quan sát và đọc các thông tin  + Em biết những biện pháp nào để phòng tránh HIV/AIDS?  - GV nhận xét, khen ngợi  - Yêu cầu học sinh hoạt động nhóm  - Tổ chức thi tuyên truyền phòng chống HIV / AIDS. GV nhận xét  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Gia đình em đã làm những gì để phòng tránh HIV/AIDS ?  - Nhận xét tiết học. | - Tổ trưởng báo cáo việc chuẩn bị của các thành viên  - 5-7 học sinh trình bày  - HS nghe  - HS hoạt động nhóm, trao đổi, thảo luận, làm bài  Đáp án  1- c; 2- b; 3- d; 4- e; 5- a  - Lớp nghe và thảo luận.  - Là hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải do vi rút gây nên.  - Vì nó rất nguy hiểm, khả năng lây lan nhanh. Hiện nay chưa có thuốc đặc trị. Nếu ở giai đoạn AIDS thì chỉ còn đợi chết.  - Tất cả mọi người đều có thể bị lây nhiễm.  - Qua đường máu, đường tình dục, từ mẹ sang con  - Ví dụ: Tiêm trích ma tuý, dùng chung bơm kim tiêm truyền máu...  - Để phát hiện cần phải đi thử máu xét nghiệm.  - Không lây nhiễm HIV  - Để phòng tránh phải thực hiện tốt qui định về truyền máu, sống lành mạnh.  - Có thể bị lây nhiễm.  - Sống lành mạnh, không tham gia tệ nạn xã hội như ma tuý, bị ốm làm theo chỉ dẫn của bác sĩ .  - 4 HS tiếp nối nhau đọc thông tin.  - Thực hiện nếp sống lành mạnh, chung thuỷ.  - Không nghiện hút, tiêm chích ma tuý.  - Dùng bơm kim tiêm tiệt trùng, 1 lần dùng.  - Khi truyền máu phải xét nghiệm máu.  - Phụ nữ mắc bệnh HVI/AIDS không nên sinh con.  - Học sinh hoạt động nhóm.  - Các nhóm lên tham gia thi.    - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

**..........................................................................................................................................................**

***Thứ 4 ngày 26/10/2022***

**TUẦN 8**

**Tập đọc** : **Tiết 16**  ***TRƯỚC CỔNG TRỜI***

***Nguyễn Đình Ảnh***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Hiểu nội dung: Ca ngợi vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao và cuộc sống thanh bình trong lao động của đồng bào các dân tộc. (Trả lời các câu hỏi 1, 3, 4; thuộc lòng những câu thơ em thích ). HS NK trả lời câu hỏi 2.

- Nêu được 1 số hình ảnh đẹp mà em thích trong bài thơ( CV 3799 )

***-*** Biết đọc diễn cảm bài thơ thể hiện cảm xúc tự hào trước vẻ đẹp của thiên nhiên vùng cao nước ta.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Tự hào trước vẻ đẹp của thiên nhiên vùng cao nước ta.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.( HĐ1 )

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ ( HĐ2, HĐ3, HĐ 4 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Tranh minh họa SGK.

Tranh ảnh sưu tầm về khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống con người vùng cao.

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Truyền điện" nêu tên các dân tộc của Việt Nam.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: (24 phút)**  **Hoạt động 1:** Đọc văn bản ( 12 ph )  -Chia khổ thơ: 3 khổ  - HD luyện đọc từ ngữ khó, câu khó  -HD giải nghĩa từ  - GVĐọc diễn cảm cả bài.  **H/ động 2:** Tìm hiểu nội dung(12 ph)  Câu1: Vì sao địa điểm tả trong bài gọi là “cổng trời”?  Câu 2: **( HS** năng khiếu**)** Em hãy tả lại vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên trong bài thơ ?  Câu 3: Trong những cảnh vật được miêu tả, em thích nhất cảnh vật nào? Vì sao?  Câu 4: Điều gì khiến cho cánh rừng sương giá như ấm lên?  **-** Bức tranh trong bài thơ nếu vắng hình ảnh con người sẽ thế nào?  -GV đặt câu hỏi rút ý nghĩa.  **3. Luyện tập: ( 8 phút )**  **Hoạt động 3: LĐ diễn cảm ( 4 phút )**  -HD đọc diễn cảm đoạn 2  -Tổ chức thi đọc diễn cảm  **Hoạt động 4: LĐ HTL ( 4 phút )**  - HS nhẩm học thuộc lòng những câu thơ em thích  - Thi HTL  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút )**  - Em có cảm nhận gì trước vẻ đẹp hùng vĩ của đát nước ta ?  - GV nhận xét tiết học. | - HS chơi trò chơi  - Cách chơi: Trưởng trò nêu tên 1 dân tộc của Việt Nam sau đó truyền điện cho bạn khác kể tên các dân tộc của Việt Nam, bạn nào không trả lời được thì thua cuộc.  - Đọc nối tiếp  - Luyện đọc từ ngữ khó:vách đá, khoảng trời, ngút ngát, người Giáy .  Câu khó. “ Giữa hai bên …mặt đất”  - HS giải nghĩa từ : hoang dã , áo chàm , nhạc ngựa.  -Vì đó là một đèo cao giữa hai vách núi,từ đỉnh đèo có thể …..đó là cổng để đi lên trời.  -Từ cổng trời nhìn ra, qua màn sương khói huyền ảo….như được bước vào cõi mơ.  -Em thích hình ảnh đứng ở cổng trời, ngửa đầu nhìn lên thấy khoảng không .... đi vào thế giới của truyện cổ tích.  -Cảnh rừng sương giá như ấm lên bởi có hình ảnh con người, ai nấy tất bật, rộn ràng với công việc : gặt lúa, trồng rau ...  - Sẽ trở thành cánh rừng hoang dã .  -Luyện đọc diễn cảm .  - Tham gia thi đọc diễn cảm  - HS nhẩm HTL Học thuộc những câu thơ em thích  -HS thi HTL  - HS chia sẻ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán** (tiết 38):

**LUYỆN TẬP ( trang 43 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**:

**1/ Kiến thức, kĩ năng**: Giúp HS củng cố về:

- So sánh hai số thập phân.

- Sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn.

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3, bài 4 ( a ).* *HS năng khiếu làm BT4b*.

- Rèn kĩ năng so sánh hai số thập phân.

**2/ Phẩm chất, năng lực:**

**-** Cẩn thận, tỉ mỉ khi làm bài.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- Giáo viên: Bảng phụ, SGK.

- Học sinh: Vở, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(5 phút)**  - Cho HS chơi trò chơi"Phản xạ nhanh": Một HS nêu một số thập phân bất kì sau đó chỉ định 1 HS khác nêu một STP lớn hơn số thập phân vừa nêu.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Luyện tập thực hành :(30 ph )** *Bài 1:( 7ph )*  - Gv yêu cầu hs đọc đề toán  - Gv cho hs làm bài  - Gv nhận xét  *Bài 2:( 10ph )*  - Gv yêu cầu hs đọc đề bài  - Gv nhận xét  *Bài 3( 7ph)*  - Gv yêu cầu hs đọc đề bài toán  - Gv cho hs làm.  - Gv gọi hs khá nêu cách làm của mình  - Gv nhận xét, tuyên dương  *Bài 4a:( 6ph )*  - Gv yêu cầu hs đọc đề bài toán  - Gv y/c HS thảo luận làm bài.  - Gv nhận xét  **3. Vận dụng : ( 5 ph )**  - GV tổ chức trò chơi:  Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé : 0,7 ; 0,8 ; 0,10 ; 1 ; 0,32 ; 0,23 ;  **+** Muốn so sánh hai số thập phân ta làm thế nào?  - Bài sau : **Luyện tập chung.** | - HS chơi  - HS nghe  - HS ghi bảng  **\* ( Cá nhân )**  - Hs đọc yêu cầu đề bài toán  - 2hs làm bài ở bảng,cả lớp làm vào vở.  *84,2>84,19 ; 6,843<6,85*  *47,5=47,500 ; 90,6>89,6*  **\* ( Cá nhân )**  - Hs đọc yêu cầu đề bài  - 1 hs làm bài ở bảng, cả lớp làm vào vở  *4,23; 4,32; 5,3; 5,7; 6,02*  **\* ( Cá nhân )**  - Hs đọc yêu cầu bài toán  - 1 hs lên bảng làm bài  9,7X8<9,718  *+Phần nguyên và hàng phần mười của hai số bằng nhau*  *+Để có 9,7X8<9,718 thì X<1*  *Vậy X=0*  *Ta có 9,708<9,718*  - Hs nêu cách làm  **\* ( Nhóm 4 )**  - Hs đọc yêu cầu bài toán  - Hs trao đổi và trình bày:  *a, 0,9<X<1,2*  *X=1 vì 0,9<1<1,2*  ***HS năng khiếu làm hết BT4***  - 2 Đội tham gia chơi ( mỗi đội cử 6 bạn )  - Xếp lại : 1 ; 0,8 ; 0,7 ; 0,32 ; 0,23 ; 0,10 ;  - HS trả lời. |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 8**

**Tập làm văn: Tiết 15 LUYỆN TẬP TẢ CẢNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Lập dàn ý cho bài văn tả một cảnh đẹp ở địa phương đủ ba phần .

- Dựa vào dàn ý(thân bài) viết được một đoạn văn miêu tả cảnh ở địa phương.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu mến cảnh đẹp của quê hương, đất nước.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ ( BT1,BT2)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Tranh ảnh về cảnh đẹp của các vùng miền.

- HS; SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS tổ chức thi đọc đoạn văn miêu tả cảnh sông nước.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (32 phút)**  **Bài 1:** ( HĐ cá nhân )  - Nêu yêu cầu  - Giới thiệu 1 số tranh về cảnh đẹp  - Yêu cầu dựa trên kết quả đã quan sát, lập dàn ý có đủ 3 phần.  - Chấm dàn ý của một số HS , nhận xét.  **Bài 2** ( HĐ cá nhân )  - Nêu yêu cầu .  - GVHD nên chọn viết phần thân bài.  - Gọi 1 số HS đọc đoạn văn vừa viết.  - GV nhận xét đánh giá, bổ sung.  \* Đọc đoạn văn mẫu cho HS tham khảo .  **\* Củng cố dặn dò: ( 2 phút )**  - Về nhà viết lại một đoạn văn miêu tả một cảnh đẹp địa phương.  -Nhận xét tiết học. | - HS thi đọc  - Lập dàn ý tả cảnh đẹp của địa phương.  - Quan sát tranh cảnh đẹp ở địa phương .  - Lập dàn bài chi tiết tả cảnh đẹp ở địa phương do em tự chọn  - Trình bày dàn ý trước lớp .  - Dựa vào dàn ý, viết thành 1 đoạn văn tả cảnh đẹp ở địa phương  - HS đọc gợi ý trong SGK.  + Chọn một đoạn trong dàn ý, viết đoạn văn tả cảnh đẹp địa phương  - Trình bày đoạn văn.  - HS nghe và thực hiện |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Địa lí:**

**DÂN SỐ NƯỚC TA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết sơ lược về dân số, sự gia tăng dân số của Việt Nam.

- Biết tác động của dân số đông và tăng nhanh.

- Sử dụng bảng số liệu, biểu đồ để nhận biết một số đặc điểm về dân sốvà sự gia tăng dân số.

- HSNK: Nêu một số ví dụ cụ thể về hậu quả của sự tăng dân số ở địa phương.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Tuyên truyền về dân số, sự gia tăng dân số và hậu quả tăng dân số.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo, năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí (HĐ 1,2,3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: + Biểu đồ gia tăng dân số Việt Nam (phóng to).

+ Sưu tầm thông tin, tranh ảnh thể hiện hậu quả của gia tăng dân số.

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS hát bài "Quê hương tươi đẹp"  - Cho HS tổ chức mời 2 bạn lên bảng, yêu cầu trả lời các câu hỏi về nội dung bài cũ.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - ghi bảng | - HS hát  - 2 HS lần lượt lên bảng trả lời các câu hỏi sau:  + Chỉ và nêu vị trí, giới hạn của nước ta trên bản đồ.  + Nêu vai trò của đất, rừng đối với đời sống và sản xuất của nhân dân ta.  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| ***\* Hoạt động 1:*** *Dân số, so sánh dân số Việt Nam với dân số các nước Đông Nam Á*  - GV treo bảng số liệu số dân các nước Đông Nam Á như SGK lên bảng, yêu cầu HS đọc bảng số liệu.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xử lý các số liệu và trả lời các câu hỏi sau  + Năm 2004, dân số nước ta là bao nhiêu người?  + Nước ta có dân số đứng hàng thứ mấy trong các nước Đông Nam Á?  - Từ kết quả nhận xét trên, em rút ra đặc điểm gì về dân số Việt Nam? (Việt Nam là nước đông dân hay ít dân?)  - GV gọi HS trình bày kết quả trước lớp.  - GV nhận xét, bổ sung  ***\* Hoạt động 2:*** *Gia tăng dân số ở Việt* *Nam*  - GV treo Biểu đồ dân số Việt Nam qua các năm như SGK lên bảng và yêu cầu HS đọc.  - GV hỏi để hướng dẫn HS cách làm việc với biểu đồ:  + Từ năm 1979 đến năm 1989 dân số nước ta tăng bao nhiêu người?  + Từ năm 1989 đến năm 1999 dân số nước ta tăng thêm bao nhiêu người?  + Từ năm 1979 đến năm 1999, tức là sau 20 năm, ước tính dân số nước ta tăng thêm bao nhiêu lần?  + Em rút ra điều gì về tốc độ gia tăng dân số của nước ta?  - GV gọi HS trình bày kết quả làm việc trước lớp.  ***\* Hoạt động 3:*** *Hậu quả của dân số tăng nhanh*  - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS làm việc theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập có nội dung về hậu quả của sự gia tăng dân số.  - GV theo dõi các nhóm làm việc, giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.  - GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình trước lớp.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Em hãy nêu ví dụ cụ thể về hậu quả của việc gia tăng dân số ở địa phương em ?  - Nhận xét tiết học. | - HS đọc bảng số liệu.  - HS làm việc cá nhân và ghi câu trả lời ra phiếu học tập của mình.  + Năm 2004, dân số nước ta là 82,0 triệu người.  + Nước ta có dân số đứng hàng thứ 3 trong các nước Đông Nam Á sau In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.  + Nước ta có dân số đông.  - 1 HS lên bảng trình bày ý kiến về dân số Việt Nam theo các câu hỏi trên, cả lớp theo dõi và nhận xét.  - HS đọc biểu đồ (tự đọc thầm).  - HS làm việc cá nhân  + Từ năm 1979 đến năm 1989 dân số nước ta tăng khoảng 11,7 triệu người.  + Từ năm 1989 đến năm 1999 dân số nước ta tăng khoảng 11,9 triệu người  + Từ năm 1979 đến năm 1999, tức là sau 20 năm, ước tính dân số nước ta tăng lên 1,5 lần.  + Dân số nước ta tăng nhanh.  - 1 HS trình bày nhận xét về sự gia tăng dân số Việt Nam theo các câu hỏi trên, cả lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu cần).  - Mỗi nhóm có 6 - 8 HS cùng làm việc để hoàn thành phiếu.  - HS nêu vấn đề khó khăn (nếu có) và nhờ GV hướng dẫn.  - Lần lượt từng nhóm báo cáo kết quả của  nhóm mình, cả lớp cùng theo dõi, nhận xét. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

# ***Ngày dạy : 27 / 10 / 2022 ( Thứ năm )***

**Toán**(tiết 39):

**LUYỆN TẬP CHUNG ( trang 43 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**:

**1/ Kiến thức, kĩ năng:** Biết:

- Đọc, viết, sắp xếp các số thập phân.

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3.* Không y/c: Tính bằng cách thuận tiện nhất.

***\* Không làm BT4.***

- Rèn kĩ năng đọc, viết, sắp xếp các số thập phân.

**2/ Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục học sinh yêu thích môn học. Tính nhanh nhẹn – trình bày khoa học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: SGK, bảng phụ…

- HS : SGK, bảng con, vở...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của dạy GV** | **Hoạt động học của HS** |
| **1. Khởi động:(5 phút)**  - Trò chơi: ***Xây nhà:***  15,50  15,5  26 + 17   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 34,66 |  | 34,660 | | 2,01 | 2,010 | | 4,80 | 4,8000 |   -Giáo viên tổ chức cho 2 đội tham gia chơi, mỗi đội 5 em. Khi nghe giáo viên hô ***1, 2, 3 bắt đầu*** mỗi đội sẽ phải tìm thật nhanh các số thập phân trên các mảnh ghép để ghép vào ngôi nhà cho gắn vào đúng vị trí cho phù hợp. Khi dán xong sẽ được hình ngôi nhà mái đỏ, tường vàng, cửa xanh. Gắn đúng 1 hình sẽ được 10 điểm. Đội nào làm đúng và hoàn thành trước sẽ là đội thắng cuộc.  - Lưu ý: Các vị trí tương ứng sẽ là các STP bằng nhau  - Giáo viên tổng kết trò chơi, tuyên dương đội thắng cuộc.  - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng.  **2. Luyện tập thực hành:(32ph)**  *Bài 1:( 11 ph )*  - Cho HS đọc các số thập phân  - GV nhận xét.  *Bài 2:( 10 ph )*  - Cho HS viết số vào bảng con  - GV nhận xét.  *Bài 3:( 10ph)*  - Cho HS tự làm bài rồi chữa bài.  - GV nhận xét.  **3. Vận dụng: ( 3ph )**  - Số nào lớn nhất trong các số sau:  *74,26 ; 74,62 ; 47,99 ; 100,01.*  - Số nào bé nhất trong các số sau:  65,91 ; 56,19 ; 65,09 ; 56,09.  - Nhận xét tiết học.  - Bài sau: **Viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân.** | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS nghe  - HS ghi vở  **\* ( Cá nhân )**  - 2HS đọc. Các HS khác nghe rồi nêu nhận xét.  **\* ( Cá nhân )**  - Cả lớp viết bảng con. 1 HS viết lên bảng  *a)5.7; b)32,85; c)0,01 ; d)0,304.*  **\* ( Nhóm 4 )**  - HS trao đổi làm bài  *\*41,538 ; 41,835; 42,358 ; 42,538.*  HS làm bài tập . |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 8**

**Luyện từ và câu**: **Tiết 16** ***LUYỆN TẬP VỀ TỪ NHIỀU NGHĨA***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Phân biệt được những từ đồng âm , từ nhiều nghĩa trong số các từ nêu ở BT1 .

- Biết đặt câu phân biệt các nghĩa của 1 từ nhiều nghĩa ( BT3 ).

- HS năng khiếu biết đặt câu phân biệt các nghĩa của mỗi tính từ nêu ở BT3 .

**\* Không làm bài tập 2.**

**2. Phẩm chất, năng lực**:

- Giáo dục ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.( BT1 ,3)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ

- HS : SGK, vở viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS tổ chức thi đặt câu với từ ngữ tả chiều rộng ; từ ngữ tả làn sóng nhẹ .  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (32 phút)**  Bài tập 1 : ( HĐ nhóm 2 )  - Nêu yêu câu đề .  - Cho HS thảo luận theo nhóm .  \*HS nêu lại thế nào từ nhiều nghĩa, từ đồng âm.  Bài tập 3 : ( HĐ cá nhân )  - Nêu yêu câu đề .  - Cho HS làm bài đặt câu phân biệt nghĩa của 1 từ nhiều nghĩa ( **HS** năng khiếulàm hết )  **\* Cao**:  -Có chiều cao lớn hơn mức bình thường  -Có số lượng hoặc chất lượng hơn mức bình thường  **\*Nặng:**  -Có trọng lượng lớn hơn mức bình thường  -Ở mức độ cao hơn , trầm trọng hơn mức bình thường.  **\*Ngọt**:  -Có vị như vị của đường , mật.  - (Lời nói ) nhẹ nhàng , dễ nghe.  - (Âm thanh ) nghe êm tai.  \* Cho HS xác định nghĩa gốc, nghĩa chuyển của các từ trên.  **3\* Củng cố, dặn dò (2 phút )**  - Thế nào là từ nhiều nghĩa .  -GV nhận xét tiết học.  -Về nhà học bài | - HS thi đặt câu  -Trong các từ in đậm từ nào đồng âm , những từ nào nhiều nghĩa .  - HS thảo luận + trình bày .  a)Từ ***chín*** ở câu 1 với từ ***chín*** ở câu 3 thể hiện hai nghĩa khác nhau của một từ nhiều nghĩa.  -Chúng đồng âm với từ ***chín*** ở câu 2  b)Từ ***đường*** ở câu 2 với từ ***đường*** ở câu 3 thể hiện hai nghĩa khác nhau của một từ nhiều nghĩa.  -Chúng đồng âm với từ ***đường*** ở câu 1.  c)Từ ***vạt*** ở câu 1 với từ ***vạt*** ở câu 3 thể hiện hai nghĩa khác nhau của một từ nhiều nghĩa.  -Chúng đồng âm với từ ***vạt*** ở câu 2.  - Đặt câu để phân biệt nghĩa của 1 trong những từ : cao ; nặng ; ngọt .  -Anh em **cao** hơn hẳn bạn bè cùng lớp.  -Mẹ dẫn em vào xem Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng **cao.**  +Bé mới 4 tháng tuổi mà bế **nặng** cả tay.  + Có bệnh mà không chạy chữa thì bệnh sẽ **nặng** lên.  -Loại sô- cô- la này rất **ngọt.**  -Cu cậu chỉ ưa nói **ngọt.**  -Tiếng đàn thật **ngọt.**  - HS nêu |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Kĩ thuật:**

**NẤU CƠM (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết cách nấu cơm.

***-*** Vận dụng kiến thức đã học để nấu cơm giúp gia đình.

- Không yêu cầu HS thực hành nấu cơm ở lớp.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Sử dụng bếp đun đúng cách để tiết kiệm năng lượng.

***-*** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác (HĐ 1,2).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK

- HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS nêu cách nấu cơm bằng các loại nồi khác nhau.  - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - Nhắc lại kiến thức đã học  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành: (30 phút)** | |
| ***\* Hoạt động 1****: Tìm hiểu các cách nấu cơm bằng nồi cơm điện*  - Yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học ở tiết trước  ***\* Hoạt động 2****: Nhận xét đánh giá*  - Sử dụng câu hỏi cuối bài để đánh giá  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút)**  - Nêu lại cách nấu cơm bằng nồi cơm điện.  - Nhận xét tiết học. | - HS nhắc lại những nội dung đã học ở tiết trước  - HS đọc nội dung mục 2 và quan sát hình 4 SGK  - Làm việc nhóm đôi tìm hiểu về cách nấu cơm bằng nồi cơm điện  - So sánh với nấu cơm bằng bếp đun  - Vài HS lên thao tác  - HS tự đánh giá kết quả học tập dựa vào câu hỏi cuối bài  - Báo cáo kết quả học tập  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

# ***Ngày dạy : 28 / 10 / 2022 ( Thứ sáu )***

Toán (tiết 40):

**VIẾT CÁC SỐ ĐO ĐỘ DÀI DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN ( trang 44 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1/ Kiến thức kx năng: Giúp hs

- Biết viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân ( trường hợp đơn giản ).

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3.*

- Rèn kĩ năng viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân

**2/ Phẩm chất, năng lực**:

- Rèn tính cẩn thận, tỉ mỉ

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**:

GV: SGK, Bảng phụ kẻ sẵn bảng đơn vị độ dài.HS : SGK, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạycủa GV** | **Hoạt động học của HS** |
| **1. Khởi động:(5phút)\***  - Cho HS tổ chức chơi trò chơi"Tìm nhanh,tìm đúng".  -VD: 56,679; 23,45 ; 134,567...  - Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương học sinh.  - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng  **2. Khám phá ( 15ph )**  **\*HĐ1: *Ôn lại hệ thống đơn vị đo độ dài.( 5ph)***  - GV cho HS nêu lại các đơn vị đo độ dài đã học lần lượt từ lớn đến bé:  Km hm dam m dm cm mm  - Y/c HS nêu quan hệ giữa các đơn vị đo liền kề, ví dụ:  1km=10hm ; 1hm=km=0,1km.  1m=10dm ; 1dm=m=0,1m.  - GV cho HS nêu quan hệ giữa một số đo đơn vị đo độ dài thông dụng.  **\*HĐ2**: ***Viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân ( 10 ph )***  *a,VD1:*Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm  6m 4dm = … m  - Gv nhận xét và hướng dẫn hs cách làm/SGK  *b, VD2*(tương tự VD1)  - Gv nhận xét ,kết luận  **3. *Luyện tập thực hành:( 17 ph )***  *Bài 1( 6ph)*  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Cho HS làm bài  - Nhận xét, chữa bài.    *Bài2( 6ph)*  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Cho HS làm bài  - Nhận xét, chữa bài.  *Bài 3( 5ph )*  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Cho HS làm bài  - Nhận xét, chữa bài.  **4. Vận dụng: ( 3ph)**  - Cho HS vận dụng kiến thức làm bài: Viết STP thích hợp vào chỗ chấm:  72m 5cm =.......m,  10m 2dm =.......m  - GV cho HS nêu quan hệ giữa số đo đơn vị đo độ dài.  - Nhận xét tiết học  - Dặn dò. | - Cách chơi: Trưởng trò đưa nhanh các số TP có chữ số 5 ở các hàng sau đó gọi HS nêu nhanh giá trị của chữ số đó.  - HS chơi trò chơi.  - HS nghe  - HS ghi vở  - HS nêu.  - HS thảo luận nhóm đôi trình bày. Sau đó, cả lớp nhận xét về khái quát hoá quan hệ giữa các đơn vị đo liền kề:  + Mỗi đơn vị đo độ dài gấp 10 lần đơn vị đo liền sau. Mỗi đơn vị đo độ dài bằng  (bằng 0,1) đơn vị liền trước đó.  *-1km = 1000m; 1m=km=0,001km.*  *-1m = 100cm ;1cm=m=0,001m*  *-1m = 1000mm;1mm=m=0,001m*  - Hs trao đổi tìm cách làm  - Hs trình bày:  +bước1:chuyển 6m 4dm = 6m  +bước2: chuyển 6m thành số thập phân có đơn vị là m ta được: 6m 4dm =6,4m  \* ( **Cá nhân )**  - Đọc yêu cầu  - Làm bài ( vở, bảng lớp ). Nhận xét.  a*)8m6dm=m=8,6m; b)2dm2cm=dm=2,2dm....*  **\* ( Cá nhân )**  - Đọc yêu cầu  - Làm bài ( vở, bảng lớp ). Nhận xét  *a)2m5cm=m=2,05m; ...*  *b) 8dm7cm=dm= 8,7dm.; ....*  **\* ( Cá nhân )**  - Đọc yêu cầu  - Làm bài ( vở, bảng lớp ). Nhận xét.  *a) 5km 302m = 5,302km*  *b) 5km 75m = 5,075km*  - HS làm bài . |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học:**

**THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI NHIỄM HIV/AIDS**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Xác định được các hành vi tiếp xúc thông thường không lây nhiễm HIV.

***-*** Biết được các hành vi tiếp xúc thông thường không lây nhiễm HIV.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

***-*** Không phân biệt đối xử với người bị nhiễm HIV và gia đình của họ.

- Luôn vận động, tuyên truyền mọi người không xa lánh, phân biệt đối xử với những người bị nhiễm HIV và gia đình của họ.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người (HĐ 1,2,3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Tranh minh hoạ SGK36,37.

- HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS tổ chức chơi trò chơi"Kể đúng, kể nhanh"  - Chia lớp thành 2 đội chơi, kể nhanh các con đường lây truyền HIV/AIDS. Đội nào kể đúng và nhiều hơn thì đội đó thắng.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng. | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **\* *Hoạt động 1:*** *HIV/AIDS không lây qua một số tiếp xúc thông thường*  - Tổ chức cho HS thảo luận theo cặp  + Những hoạt động nào không có khả năng lây nhiễm HIV/AIDS?  *Kết luận:* Những hoạt động tiếp xúc thông thường không có khă năng lây nhiễm.  - Tổ chức cho học sinh chơi trò chơi. HIV không lây qua đường tiếp xúc thông thường  ***\* Hoạt động 2:*** *Không nên xa lánh, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV*  - Tổ chức cho HS làm việc theo cặp.  - Yêu cầu HS quan sát hình 2,3 trang 36,37  - Gọi HS trình bày ý kiến của mình  - Nhận xét, khen HS có cách ứng xử tốt.  - GV: Ở nước ta đã có 68 000 người bị nhiễm HIV em hiểu được và cần làm gì ở những người xung quanh họ?  ***\* Hoạt động 3:*** *Bày tỏ thái độ, ý kiến*  - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm  - GV giao cho mỗi nhóm 1 phiếu ghi tình huống. Yêu cầu các nhóm thảo luận  - Trình bày kết quả  *Tình huống 1*: Em sẽ làm gì?  *Tình huống 2:* Em cùng các bạn đang chơi trò chơi "Bịt mắt bắt dê" thì Nam đến xin được chơi cùng. Nam đã bị nhiễm HIV từ mẹ. Em sẽ làm gì khi đó ?  + Chúng ta có thái độ như thế nào đối với người nhiễm HIV và gia đình họ?  + Làm như vậy có tác dụng gì?  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Em sẽ làm gì để phòng tránh HIV/AIDS cho bản thân ?  - Nhận xét tiết học. | - HS trao đổi theo cặp và trình bày  + Bởi ở bể bơi công cộng  + Ôm, hôn má  + Bắt tay.  + Muỗi đốt  + Ngồi học cùng bàn  + Uống nước chung cốc  - Học sinh hoạt động nhóm  - Các nhóm diễn kịch các nhóm khác theo dõi bổ xung  - 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi thảo luận  - HS quan sát tranh và trình bày  - 3-5 HS trình bày ý kiến của mình  - Trẻ em cho dù bị nhiễm HIV thì vẫn có tình cảm, nhu cầu được chơi và vẫn có thể chơi cùng mọi người, nên tránh những trò chơi dễ tổn thương, chảy máu.  - HS hoạt động theo nhóm  - Nhận phiếu và thảo luận  - Đại diện các nhóm trình bày ý kiến.  + Em sẽ động viên bạn đừng buồn rồi mọi người sẽ hiểu. Em sẽ nói với các bạn trong lớp, bạn cũng như chúng ta đều cần có bạn bè được học tập vui chơi. chúng ta nên cùng giúp đỡ bạn HIV không lây qua đường tiếp xúc thông thường.  + Em sẽ nói với các bạn HIV không lây nhiễm qua cách tiếp xúc này. Nhưng để tránh khi chơi bị ngã trầy xước chân tay chúng ta hãy cùng Nam chơi trò chơi khác.  - Học sinh nêu **:** Không nên xa lánh và phân biệt đối xử với họ.  - Giúp họ sống lạc quan, lành mạnh, có ích  cho bản thân và cho gia đình và xã hội.  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 8**

**Tập làm văn: Tiết 16 LUYỆN TẬP TẢ CẢNH**

**( Dựng đoạn mở bài, kết bài )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết và nêu được cách viết hai kiểu mở bài: mở bài trực tiếp, mở bài gián tiếp (BT1)

- Phân biệt hai cách kết bài : kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng (BT2),

***-*** Viết được đoạn mở bài kiểu gián tiếp, đoạn kết bài kiểu bài mở rộng cho bài văn cảnh thiên nhiên ở địa phương (BT3).

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích viết văn tả cảnh.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ ( BT1,BT2, BT3)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: SGK, tranh ảnh về cảnh đẹp của đất nước

- HS: Sưu tầm tranh ảnh về cảnh đẹp của địa phương

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - HS thi đọc đoạn văn tả cảnh đẹp quê hương viết ở tiết trước.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: ( 16 phút )**  **Bài 1** ( HĐ nhóm 2 )  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS thảo luận nhóm 2 đọc 2 đoạn mở bài a,b và trả lời .  - Vì sao kết luận như trên?  **Bài 2** ( HĐ nhóm 4 )  -Cho HS đọc đề .  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS thảo luận nhóm 4 + trả lời  **2. Luyện tập, thực hành (16 ph )**  Bài 3: ( HĐ cá nhân )  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài vào vở .  - Nhận xét, sửa chữa.  **\* Củng cố dặn dò (2 phút)** - Dặn HS ghi nhớ 2 cách mở bài và kết bài.  - Viết lại đoạn mở bài và kết bài cho hay hơn.  - GV nhận xét tiết học | - HS thi đọc đoạn văn ( 3 HS)  - Đoạn văn nào mở bài theo kiểu trực tiếp , đoạn văn nào mở bài theo kiểu gián tiếp?  - HS thảo luận đọc 2 đoạn mở bài a, b trả lời  + a : mở bài trực tiếp  + b : mở bài gián tiếp  -Vì: + Mở bài trực tiếp: Giới thiệu ngay con đường sẽ tả .  + Mở bài gián tiếp: Nói về kỉ niệm đối với quê hương rồi mới giới thiệu con đường sẽ tả .  - Đọc đề  - 2 HS đọc 2 đoạn kết bài a, b.  - Nêu điểm giống nhau và khác nhau giữa đoạn kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng  \* Giống nhau: Đều nói đến tình cảm yêu quý, gắn bó thân thiết đối với con đường .  \* Khác nhau:  + Kết bài không mở rộng ( a) : Khẳng định con đường là người bạn quý, gắn bó thân thiết với bạn HS .  + Kết bài mở rộng (b) : vừa thể hiện tình cảm yêu quý con đường, vừa ca ngợi công ơn của các cô bác công nhân vệ sinh đã giữ sạch con đường, đồng thời thể hiện ý thức giữ cho con đường luôn sạch , đẹp .  - Viết một đoạn mở bài theo kiểu gián tiếp và 1 đoạn kết bài kiểu mở rộng cho bài văn tả cảnh thiên nhiên .  - HS làm bài vở , đọc bài .  - HS nghe và thực hiện |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................